

Số: /2022/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định về thực hiện chính sách hỗ trợ
lãi suất vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn
tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022- 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 13**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;
Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê
duyet chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn
mới giai đoạn 2021-2025;
Thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng
Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn
2021-2025;
Thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy Quảng
Trị về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai
đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
Xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngày/...../2022 của UBND tỉnh về
việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định về thực hiện chính sách hỗ trợ
lãi suất vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
giai đoạn 2022- 2025; Báo cáo thẩm tra số...../BC-HĐND ngày .../.../2022 của
Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng
nhân dân tỉnh khóa VIII.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022- 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy

ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, kỳ họp thứ 13 thông qua ngàytháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày tháng.....năm 2022./.

Nơi nhận:

- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Các Bộ: NN&PTNT, KH&ĐT, TC;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ NN&PTNT;
- TVTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH, TAND, VKSND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND cấp huyện;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay phát triển sản xuất,
kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022- 2025**
(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày /...../2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các tổ chức, cá nhân vay vốn bằng đồng tiền Việt Nam của các tổ chức tín dụng để thực hiện đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022- 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng vay vốn sau đây gọi chung là khách hàng vay, gồm:

1. Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác; Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh; ngư dân; tổ chức, cá nhân nuôi trồng và chế biến thủy sản; Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã vay vốn đẩy mạnh phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thực hiện tại 101 xã trên địa bàn tỉnh.

2. Các tổ chức tín dụng thực hiện cho vay để phát triển sản xuất kinh doanh giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (*không bao gồm Ngân hàng Chính sách xã hội*) sau đây gọi chung là ngân hàng cho vay.

Điều 3. Nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ lãi suất

1. Nguyên tắc

a) Việc hỗ trợ lãi suất chỉ áp dụng cho các dự án cho vay mới thỏa mãn điều kiện cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng cho vay theo cơ chế tín dụng thông thường.

b) Việc xét chọn dự án cho vay có hỗ trợ lãi suất được thực hiện từ cơ sở, đảm bảo tính công khai dân chủ, minh bạch.

2. Điều kiện hỗ trợ lãi suất

a) Đúng đối tượng, nội dung, lĩnh vực hỗ trợ theo quy định tại Điều 2, 4 của Quy định này.

b) Sử dụng vốn đúng mục đích và trả nợ gốc, lãi theo đúng thỏa thuận với tổ chức tín dụng.

c) Các dự án, phương án đầu tư sản xuất kinh doanh phải phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

+ Ủy ban nhân dân xã thẩm định dự án, phương án sản xuất, kinh doanh có mức vốn vay đến 1,0 tỷ đồng;

+ Ủy ban nhân dân huyện, thị xã (sau đây gọi là UBND cấp huyện) thẩm định dự án, phương án sản xuất kinh doanh có mức vốn vay trên 1,0 tỷ đồng. Đối với các dự án có mức vay lớn và liên quan đến sự phát triển của vùng, Ủy ban nhân dân cấp huyện lấy ý kiến thẩm định của các Sở, ngành chuyên môn liên quan trước khi phê duyệt;

d) Thực hiện đầy đủ trình tự, thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

Điều 4. Các lĩnh vực cho vay

1. Cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản, dược liệu; các cơ sở giết mổ gia súc tập trung; hỗ trợ máy móc thiết bị phục vụ sơ chế, chế biến nông sản; sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; cho vay phát triển kinh tế trang trại¹; xây dựng các mô hình sản xuất hàng hóa có liên kết theo mô hình cánh đồng lớn, chuyển đổi cơ cấu cây trồng thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu; liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ, định hướng xây dựng và phát triển thành sản phẩm OCOP,... (gọi chung là cho vay phát triển sản xuất nông nghiệp). Trong đó, ưu tiên hỗ trợ vay vốn phát triển sản xuất đối với các nhóm sản phẩm, cụ thể như sau.

a) Sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia², bao gồm: Gạo, cà phê, cao su, hồ tiêu, rau quả, sắn và sản phẩm từ sắn, thịt lợn, thịt và trứng gia cầm, tôm, gỗ và sản phẩm từ gỗ.

b) Một số cây trồng, con nuôi tạo sản phẩm nông nghiệp hàng hóa có thế mạnh của tỉnh được quy định tại Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 29/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026.

¹Áp dụng cho vay các hoạt động sản xuất nông nghiệp đạt tiêu chí kinh tế trang trại theo Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/2/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

²Theo Thông tư số 37/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia

2. Các sản phẩm OCOP được cấp giấy chứng nhận OCOP trên địa bàn tỉnh Quảng Trị với các nội dung cho vay

a) Đầu tư, mở rộng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, chế biến sản phẩm OCOP.

b) Đầu tư thiết bị, máy móc, công nghệ phục vụ sản xuất, chế biến sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP.

c) Đầu tư nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến sản phẩm OCOP.

d) Đầu tư trung tâm, điểm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm OCOP.

đ) Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển, kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, du lịch văn hóa trên địa bàn nông thôn.

Điều 5. Mức hỗ trợ lãi suất, hạn mức cho vay tối đa và thời hạn cho vay

1. Mức hỗ trợ lãi suất

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% số tiền lãi cho khách hàng vay trong suốt thời hạn cho vay đối với khoản cho vay ngắn hạn;

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% lãi suất đối với 02 năm đầu, từ năm thứ 3 trở đi hỗ trợ 30% lãi suất cho các khách hàng vay vốn tại các ngân hàng cho vay đối với khoản vay trung, dài hạn.

2. Hạn mức vốn vay và thời gian hỗ trợ lãi suất

a) Hạn mức hỗ trợ vốn vay

Căn cứ vào các phương án, dự án sản xuất, kinh doanh, các tổ chức, cá nhân được vay vốn theo các định mức khác nhau. Hạn mức hỗ trợ vay vốn tối thiểu là **50** triệu đồng/ dự án (*năm mươi triệu đồng/dự án*) và tối đa không quá **2,0** tỷ đồng/dự án (*hai tỷ đồng/dự án*).

b) Thời gian cho vay. Tính từ ngày chính sách có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2025.

c) Thời gian hỗ trợ lãi suất. Tính từ ngày giải ngân vốn vay đến ngày trả nợ cuối cùng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nhưng không quá ngày 31/12/2025.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Hàng năm, ngân sách tỉnh bố trí tối thiểu **2,0 tỷ đồng** (trích một phần từ nguồn vốn Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới) để thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh trong xây dựng nông thôn mới./.